TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2018/HS-ST
Ngày: 20 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/HSST-QĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D (N), sinh năm 1986, tại Bạc Liêu; Nơi thường trú: Ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Nơi đã cư trú: Ấp R, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị H; bị cáo không có chồng - có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2018 đến nay (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q:*

1/ Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2/ Nguyễn Thị Trường X. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 72 V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Nguyễn Hải Q (vắng mặt), Nguyễn Văn X (vắng mặt), Nguyễn Văn V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 27 tháng 11 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị D thuê căn nhà cấp 4 của bà Nguyễn Thị Trường X tại ấp R, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An để kinh doanh nước giải khát lấy biển hiệu "Huỳnh N". Trong thời gian kinh doanh, bị cáo D trực tiếp phục vụ cho khách có nhu cầu bằng việc massage kích dục cho khách xuất tinh với giá 150.000 đồng/lần. Đến tháng 12 năm 2017, có Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: ấp H, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang đến quán của bị cáo D xin làm tiếp viên, bị cáo D đồng ý và thỏa thuận với Mỹ L làm không hưởng lương mà hưởng tiền từ việc massage kích dục và bán dâm cho khách. Bị cáo D quy định giá mỗi lần massage kích dục cho khách là 150.000 đồng, trong đó L hưởng 100.000 đồng, D hưởng 50.000 đồng, nếu khách có nhu cầu mua dâm thì L trực tiếp bán dâm cho khách, giá mỗi lần bán dâm là 300.000 đồng, trong đó L hưởng 250.000 đồng, D hưởng 50.000 đồng. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13 tháng 4 năm 2018, có Nguyễn Hải Q và Nguyễn Văn X đến quán để uống nước. Trong lúc uống nước, anh Q và anh X thỏa thận với bị cáo D về việc mua bán dâm với Nguyễn Thị Mỹ L, giá mỗi lần là 300.000 đồng, tất cả đồng ý thực hiện. Sau đó, bị cáo D kêu L dẫn anh Q vào trong phòng phía sau của quán để thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau trước. Đang trong lúc L và Q đang thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau thì lực lượng Công an huyện Đức Hòa vào kiểm tra, phát hiện bắt giữ người và tang vật để điều tra xử lý.

Tang vật thu giữ quả tang gồm: 05 bao cao su (01 cái đã qua sử dụng; 04 cái chưa qua sử dụng); 20 khăn lạnh; 01 tấm nệm màu đỏ vàng, kích thước 2x3m; 01 cái quạt hiệu Faco màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A11W màu trắng, không có số sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO A33-00 GV màu đen, không có số sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng trắng; Tiền Việt Nam: 300.000 đồng.

Quá trình điều tra thấy rằng, từ ngày 27 tháng 11 năm 2017 đến trước ngày bị bắt quả tang, tại quán nước giải khát Huỳnh N, bị cáo D khai nhận đã thu lợi bất chính khoảng 1.000.000 đồng nhưng không nhớ số lần đã trực tiếp massage kích dục cho khách, không nhớ số lần chứa mại dâm cho tiếp viên bán dâm cho khách. Riêng ngày bị bắt quả tang, bị cáo chưa có thu lợi từ việc thực hiện hành vi phạm tội.

Ngày 15 tháng 4 năm 2018, Cơ Q cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã tiến hành trao trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A11W màu trắng cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Thị Mỹ L.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKSĐH ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Nguyễn Thị D gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Chứa mại dâm"; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D mức hình phạt từ 1 năm đến 2 năm tù.

Đề nghị áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng:

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A11W màu trắng không có liên Q đến hành vi phạm tội, Cơ Q điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Thị Mỹ L nên đề nghị không đề cập, xem xét.

+ Đối với 05 bao cao su (01 cái đã qua sử dụng; 04 cái chưa qua sử dụng); 20 khăn lạnh; 01 tấm nệm màu đỏ vàng, kích thước 2x3m; 01 cái quạt hiệu Faco màu xanh mà bị cáo D dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO A33-00 GV màu đen, không có số sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng trắng là tài sản hợp pháp của bị cáo không có liên Q đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

+ Đối với số tiền 300.000 đồng – là số tiền dùng để mua bán dâm nên đề nghị tịch thu sung công quỹ.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Thị D giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc massage kích dục và bán dâm là 1.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị Mỹ L có hành vi bán dâm, Nguyễn Hải Q có hành vi mua dâm, Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp xử lý hành chính nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị Trường X có hành vi cho bị cáo D thuê nhà và đất để kinh doanh quán nhưng không biết việc bị cáo cho tiếp viên bán dâm, cũng không có thỏa thuận và thu lợi gì từ việc bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của chị Nguyễn Thị Trường X không cấu thành tội phạm nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị D hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị D trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ Q điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 13 tháng 4 năm 2018, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 13 tháng 4 năm 2018, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q, người làm chứng và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Thấy rằng, từ ngày 27 tháng 11 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị D đã sử dụng căn nhà cấp 4 thuê của bà Nguyễn Thị Trường X tại ấp R, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để kinh doanh bán nước giải khát. Cùng với việc bán nước giải khát, bị cáo D đã trực tiếp massage kích dục và cho tiếp viên bán dâm cho khách tại quán (bị cáo không nhớ rõ số lần massage kích dục và chứa mại dâm cho tiếp viên bán dâm), bị cáo thu lợi bất chính được số tiền 1.000.000 đồng. Đến ngày 13 tháng 4 năm 2018, bị cáo D đồng ý cho tiếp viên của quán là Nguyễn Thị Mỹ L bán dâm cho anh Nguyễn Hải Q tại căn phòng trong quán để thu lợi bất chính, trong lúc đang mua bán dâm thì bị lực lượng Công an huyện Đức Hòa kiểm tra, phát hiện bắt quả tang tạm giữ người và tang vật. Ngày bị bắt quả tang, bị cáo chưa thu lợi từ việc thực hiện hành vi phạm tội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Thị D với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị D là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến khách thể trật tự công cộng, chuẩn mực đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc; việc chứa mại dâm là tiếp tay cho tệ nạn và lây truyền các căn bệnh xã hội. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách

nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có bà ngoại Bùi Thị S có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có cậu ruột Huỳnh Văn T được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhì. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

Từ phân tích [3] và [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị D là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A11W màu trắng không có liên Q đến hành vi phạm tội, Cơ Q điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Thị Mỹ L nên không đề cập, xem xét;

- Đối với 05 bao cao su (01 cái đã qua sử dụng; 04 cái chưa qua sử dụng); 20 khăn lạnh; 01 tấm nệm màu đỏ vàng, kích thước 2x3m; 01 cái quạt hiệu Faco màu xanh: đây là công cụ, phương tiện bị cáo D dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO A33-00 GV màu đen, không có số sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng trắng: đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không có liên Q đến việc phạm tội nên xem xét trả lại cho bị cáo là phù hợp;

- Đối với số tiền 300.000 đồng – là số tiền dùng vào việc mua bán dâm nên cần tịch thu sung công quỹ là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chưa nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội là 1.000.000 đồng, nên cần buộc bị cáo giao nộp lại.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Chứa mại dâm".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị D 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/7/2018) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ vào Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) cái bao cao su (01 cái đã qua sử dụng; 04 cái chưa qua sử dụng); 20 (hai mươi) cái khăn lạnh; 01 (một) tấm nệm màu đỏ vàng, kích thước 2x3 mét; 01 (một) cái quạt hiệu Faco màu xanh.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO A33-00 GV màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu hồng trắng**.**

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Tang vật và tiền trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20 tháng 6 năm 2018 và Biên lai thu tiền số 0001593 ngày 20/6/2018

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc bị cáo Nguyễn Thị D nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hánh án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thảnh